

Bản án số: 828/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa

bà Th và ông Ph

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1129/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 141/75 đường D, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Hạnh Ph, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 141/75 đường D, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc Th trình bày:

Bà Th và ông Trần Hạnh Ph tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 138/2002, Quyền số 01. Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Ph

không chăm lo kinh tế gia đình, ham chơi, thường xuyên nhậu nhẹt và có mối quan hệ bất chính, thường xuyên bỏ nhà đi. Năm 2016 bà Th từng nộp đơn xin ly hôn tại Tòa nhưng đã rút đơn vì còn thương con và muốn tạo cơ hội cho ông Ph thay đổi nhưng không đạt kết quả. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Ph. Trong quá trình chung sống, bà Th và ông Ph có 01 con chung tên Trần Ngọc Bích P, sinh ngày 05/4/2002 (đã trưởng thành). Về tài sản chung, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, bà Th tự khai giữa bà và ông Ph không nợ gì của ai.

Bị đơn ông Trần Hạnh Ph đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Ph vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của ông Ph và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Bùi Thị Ngọc Th có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn bà Th vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Ph, về con chung, tài sản chung và nợ chung bà vẫn giữ lời trình bày thể hiện trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn bà Th chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn ông Ph chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Ngọc Th thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là ông Trần Hạnh Ph có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Ph theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Bà Bùi Thị Ngọc Th và ông Trần Hạnh Ph sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 138/2002, Quyền số 01, đăng ký ngày 21/5/2002, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Th, bà Th trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông Ph không chăm lo kinh tế gia đình, ham chơi, thường xuyên nhậu nhẹt và có mối quan hệ bất chính, thường xuyên bỏ nhà đi. Bà Th đã cho ông Ph cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Th yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Th là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy ông Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông Ph vẫn vắng mặt và ông Ph cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông Ph không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa bà Th và ông Ph không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà Th cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà Th và ông Ph có 01 con chung tên Trần Ngọc Bích P, sinh ngày 05/4/2002 (đã trưởng thành)

Về tài sản chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th tự khai không nợ gì của ai.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc Th:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc Th được ly hôn với ông Trần Hạnh Ph.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Ngọc Th và ông Trần Hạnh Ph có 01 con chung tên Trần Ngọc Bích P, sinh ngày 05/4/2002 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Bà Th không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ chung: Bà Th tự khai không nợ gì của ai.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Bùi Thị Ngọc Th phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012522 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Bùi Thị Ngọc Th và ông Trần Hạnh Ph có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho bà Th và ông Ph hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường B, Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Ánh Minh